

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 22 /2024/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 04 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất,
mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm,
mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước
trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;*

*Thực hiện Thông báo kết luận số 1028-TB/TU ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá
thuê đất, tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, tỷ lệ
phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình;*

*Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%)
để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công
trình ngầm, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn
tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2024
của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*



[Signature]

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này thông qua về:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (Nghị định số 103/2024/NĐ-CP) trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

c) Tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 được Nhà nước cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, cho phép chuyển hình thức sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất mà thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất.

c) Các đối tượng khác liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 2. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất

Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá như sau:

1. Đối với đất thuộc địa bàn thành phố Thái Bình và thuộc địa bàn các huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Vũ Thư, Kiến Xương:

a) Đất tại đô thị: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,2%.

b) Đất tại nông thôn có ít nhất một mặt tiếp giáp với hiện trạng hoặc tiếp giáp đường gom của đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,2%.

c) Đất còn lại tại nông thôn: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,0%.



d) Đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,0%.

2. Đối với đất thuộc địa bàn các huyện Tiền Hải, Thái Thụy:

a) Đất tại đô thị: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,0%.

b) Đất tại nông thôn có ít nhất một mặt tiếp giáp với hiện trạng hoặc tiếp giáp đường gom của đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 1,0%.

c) Đất còn lại tại nông thôn: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 0,8%.

d) Đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất là 0,8%.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm

Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai năm 2024, được tính như sau:

1. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

2. Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

Điều 4. Tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVII Kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất thông qua ngày 04 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 10 năm 2024. ./././

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, CTHĐ. ./

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Thành